

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2020/DSST

Ngày 28/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Chiêu và ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: ông Tạ Văn Cung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2019/TLST - DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST – DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1/.Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp M I, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

2/.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu;

3/. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lâm Hồng Y, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp M I, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

(Bà Y ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền ngày 26/3/2020)

- Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: Ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu;

(ông H có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn H trình bày: Trước đây vào ngày 21/12/2010 giữa ông và bà Nguyễn Thị T có hợp đồng mua bán thuốc vật tư nông nghiệp, cụ thể bà T mua thuốc từ đại lý của ông, hình thức giao dịch là ông gói đầu cho từng vụ sản xuất, sau khi thu hoạch thì trả dứt điểm nợ củ và ông tiếp tục bán gói đầu cho vụ tiếp theo, quá trình giao dịch từ ngày 21/12/2010 đến ngày 26/3/2012 bà T còn nợ là 19.694.000 đồng, tuy nhiên tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL bà T chỉ thừa nhận nợ số tiền là 9.348.000 đồng và đồng ý trả trong hai đợt là ngày 29/8/2019 trả 4.674.000 đồng và ngày 14/01/2020 trả 4.674.000 đồng, tại nội dung hòa giải này ông vẫn đồng ý, tuy nhiên hết thời gian thỏa thuận bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện yêu cầu bà T và ông Đ là chồng bà T cùng có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ là 9.348.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật đương sự.

Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn ông H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Y đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên đối với bị đơn là bà T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL giữa ông H và bà T đã thống nhất số tiền nợ trong hợp đồng mua bán thuốc vật tư nông nghiệp là 9.348.000 đồng. Như vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ ông H và bà Y là 9.348.000 đồng. Về án phí: bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Văn H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán với bà Nguyễn Thị T. Bà T có địa chỉ cư trú tại ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu tại nội dung biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị T đã thừa nhận số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 9.348.000 đồng và đồng ý trả trong hai đợt cụ thể: đợt 1 ngày 29/8/2019 trả 4.674.000 đồng và đợt 2 ngày 14/01/2020 trả 4.674.000 đồng. Căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận giao dịch và số tiền bà T nợ ông H là có diễn ra trên thực tế.

Căn cứ Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Xét thấy ông H xác định số tiền bà T nợ là tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà Y nên cần buộc bà T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho ông H và bà Y là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giao dịch, thực hiện hợp đồng mua thuốc vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu) bà T thực hiện vì mục đích chung trong gia đình và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới với bà T trả số nợ cho ông H và bà Y là phù hợp.

[2.2]. Đối với việc tính lãi suất phát sinh trong giai đoạn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử do ông H tự nguyện không yêu cầu nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp đối với yêu cầu của ông Lê Văn H được Tòa án chấp nhận cụ thể là $9.348.000 \text{ đồng} \times 5\% = 467.400 \text{ đồng}$. Ông H đã tạm nộp án phí số tiền 300.000 đồng ngày 27/12/2019 theo biên lai thu số 0004565 được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H và bà Lâm Hồng Y số tiền là 9.348.000 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 467.400 đồng. Ông Lê Văn H đã tạm nộp án phí số tiền 300.000 đồng ngày 27/12/2019 theo biên lai thu số 0004565 được nhận lại. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kiều Song Toàn